

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc ngành tư pháp áp dụng trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 50/TTr-STP ngày 25/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế thuộc ngành tư pháp áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có danh mục và nội dung cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế, bãi bỏ các thủ tục hành chính tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (TH);
- Lưu VT, NC₄.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Xuân Lâm

PHỤ LỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ THAY THẾ, BÃI BỎ

a) Thay thế thủ tục hành chính (TTHC) số 6, mục V, phần C; TTHC số 1, 2 mục IV, phần D tại Quyết định số 187/QĐ-CT ngày 03/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum; TTHC số 19, 20, 21 mục II, phần B (*TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã*) tại Quyết định số 424/QĐ-CT ngày 13/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum; TTHC số 01, 7, 8, 9, 13, 14 mục XIII tại Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh; TTHC số 02, mục I, phần A (*TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện*) tại Quyết định số 424/QĐ-CT ngày 13/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum; TTHC số 02, 16, 17, 18, 19, 20 mục XII tại Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum.

b) Bãi bỏ các TTHC số 3, 4, 5, 6, 8 mục II, phần A (*TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện*); TTHC số 1, mục II, phần A; các TTHC từ số 01 đến 18 và từ số 22 đến 25 mục II, phần B (*TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã*) tại Quyết định số 424/QĐ-CT ngày 13/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum; các TTHC từ số 01 đến 05 và từ số 07 đến 11 mục V, phần C tại Quyết định số 187/QĐ-CT ngày 03/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum.

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH TƯ PHÁP ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(Ban hành kèm Quyết định số 304 /QĐ-UBND ngày 16 /6/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**PHẦN I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Tư pháp; UBND cấp huyện và UBND cấp xã:**

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Quản tài viên (cấp tỉnh)
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.
2	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.
3	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.
4	Thay đổi thành viên hợp danh của Công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.
5	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.
6	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên.
7	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.
8	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên.
9	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.
10	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
11	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên.
12	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.
II	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý
II.1	Cấp tỉnh
1	Đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý
II.2	Cấp huyện
1	Đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý
III	Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở
III.1	Cấp huyện
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp huyện)
III.2	Cấp xã
1	Thủ tục bầu hòa giải viên
2	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải
3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên
4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên
IV	Lĩnh vực Nuôi con nuôi

IV.1	Cấp tỉnh
1	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi
IV.2	Cấp xã
1	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng
V	Lĩnh vực Chứng thực
V.1	Cấp tỉnh
1	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không điểm chỉ được).
3	Cấp bản sao từ sổ gốc (trừ bản sao các giấy tờ về hộ tịch)
V.2	Cấp huyện
1	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
4	Thủ tục chứng thực chữ ký của người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.
5	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.
6	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không điểm chỉ được).
V.3	Cấp xã:
1	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được).
3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
4	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở.
5	Cấp bản sao từ sổ gốc (trừ bản sao các giấy tờ về hộ tịch)
VI	Lĩnh vực Hộ tịch
VI.1	Cấp huyện
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
16	Thủ tục cấp bản sao trích lục Hộ tịch
VI.2	Cấp xã:
1	Đăng ký khai sinh
2	Đăng ký kết hôn
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con
5	Đăng ký khai tử
6	Đăng ký khai sinh lưu động
7	Đăng ký kết hôn lưu động
8	Đăng ký khai tử lưu động
9	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
10	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
11	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
12	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
13	Đăng ký giám hộ
14	Đăng ký chấm dứt giám hộ
15	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
16	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
17	Đăng ký lại khai sinh
18	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
19	Đăng ký lại kết hôn
20	Đăng ký lại khai tử
21	Thủ tục cấp bản sao trích lục Hộ tịch

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện; UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I	Lĩnh vực Nuôi con nuôi		
I.1	Cấp tỉnh		
1		Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp
2		Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có	

		thẩm quyền của nước ngoài	
3		Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
I.2	Cấp xã		
1		Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp
2		Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
3		Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
I	Lĩnh vực chứng thực		
I.1	Cấp huyện		
1		Cấp bản sao từ sổ gốc (trừ các giấy tờ về hộ tịch).	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ
2		Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản.	
3		Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.	
4		Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản.	
5		Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	
6		Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.	
I.2	Cấp xã		
1		Chứng thực di chúc	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ
2		Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
3		Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.	
4		Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.	
5		Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	

6		Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	
---	--	---	--

C. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Hộ tịch		
I.1	Cấp tỉnh:		
1		Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp
2		Thủ tục đăng ký lại việc sinh có yếu tố nước ngoài	
3		Thủ tục cấp lại bản chính Giấy khai sinh có yếu tố nước ngoài.	
4		Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
5		Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
6		Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
7		Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
8		Thủ tục đăng ký chấm dứt việc giám hộ có yếu tố nước ngoài	
9		Thủ tục công nhận và ghi vào sổ đăng ký hộ tịch các sự kiện hộ tịch đã đăng ký tại nước ngoài	
10		Thủ tục cấp bản sao giấy tờ hộ tịch có yếu tố nước ngoài từ sổ hộ tịch gốc	
I.2	Cấp huyện		
1		Thủ tục thay đổi họ, tên, chữ đệm cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp
2		Thủ tục cải chính nội dung Giấy khai sinh cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	
3		Thủ tục xác định lại dân tộc	
4		Thủ tục điều chỉnh nội dung các giấy tờ hộ tịch (trừ bản chính Giấy khai sinh)	
I.3	Cấp xã		
1		Đăng ký kết hôn	- Luật hộ tịch năm 2014;

2		Đăng ký lại việc kết hôn	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp
3		Xác nhận tình trạng hôn nhân	
4		Đăng ký kết hôn trong đồng bào dân tộc thiểu số	
5		Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	
6		Đăng ký khai sinh đúng hạn	
7		Đăng ký lại việc khai sinh	
8		Đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi	
9		Đăng ký khai sinh quá hạn	
10		Đăng ký cải chính nội dung Giấy khai sinh của người dưới 14 tuổi	
11		Đăng ký điều chỉnh nội dung Giấy khai sinh	
12		Đăng ký thay đổi họ, tên, chữ đệm trong Giấy khai sinh của người dưới 14 tuổi	
13		Đăng ký bổ sung nội dung Giấy khai sinh	
14		Đăng ký khai tử đúng hạn	
15		Đăng ký khai tử quá hạn	
16		Đăng ký lại việc tử	
17		Đăng ký giám hộ	
18		Đăng ký chấm dứt việc giám hộ	
19		Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
20		Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	
21		Đăng ký điều chỉnh nội dung giấy tờ hộ tịch khác (không phải Giấy khai sinh)	
22		Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	
II Lĩnh vực Nuôi con nuôi			
1		Đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế	- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;